

Bản án số: 643/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-5-2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

2. Ông Thái Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Quang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đào Văn Tiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 1129/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 216/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1981. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, đường P, Tổ A, Ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1968; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, đường P, Tổ A, Ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 19/6/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà và ông Q chung sống có Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2010, quyển số 01/2010 ngày 04/10/2010 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình chung sống, ông bà không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cả hai đều cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng mục đích của cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q có 02 con chung là Trần Lê Minh T1, sinh ngày 14/11/2010 và Trần Lê Minh N, sinh ngày 06/8/2013. Bà T đồng ý giao 02 con chung cho ông Q được quyền tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông **Trần Văn Q** vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gửi cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, nhận định đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của bà **Lê Thị T** yêu cầu ly hôn với ông **Trần Văn Q**, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông **Trần Văn Q** cư trú tại **xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Việc vắng mặt của ông **Trần Văn Q**, Tòa án đã triệu tập, xác minh nơi cư trú và thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông **Trần Văn Q** vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Đồng thời, ngày 19/4/2024, bà **Lê Thị T** có Đơn xin xét vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà **Lê Thị T** và ông **Trần**

Văn Q theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa bà **T** và ông **Q** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **C**, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2010, quyển số 01/2010 ngày 04/10/2010, hôn nhân giữa bà **T** và ông **Q** là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà **T** yêu cầu ly hôn với ông **Q** vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông **Trần Văn Q** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ ông **Q** đã ký nhận và ghi rõ họ tên nhưng ông **Q** vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng là tự bỏ quyền chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **T** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là **Trần Lê Minh T1**, sinh ngày 14/11/2010 và **Trần Lê Minh N**, sinh ngày 06/8/2013. Xét thấy, việc bà **T** tự nguyện giao 02 con chung cho ông **Q** được quyền tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện không tranh chấp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà **T** xác nhận không có. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Bà **T** xác nhận không có. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà **T** phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nhận thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị T**.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị T** được ly hôn với ông **Trần Văn Q**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2010, quyển số 01/2010 ngày 04/10/2010 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lê Thị T và ông Trần Văn Q hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Lê Minh T1, sinh ngày 14/11/2010 và Trần Lê Minh N, sinh ngày 06/8/2013. Ghi nhận sự tự nguyện về việc bà Lê Thị T đồng ý giao 02 con chung cho ông Trần Văn Q được quyền tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Lê Thị T.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con..

- Về tài sản chung: Các bên không tranh chấp.

- Về nợ chung: Các bên không tranh chấp.

2. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Lê Thị T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0018270 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P,
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Liêm